TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:206/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đ Minh Tư.

2. Bà Ngô Thị Thưởng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phan Ngọc M**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Ấp T, xã TT, huyện CL, tỉnh BT.
Bị đơn: **Ông Lê Văn Đ**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp T, xã TT, huyện CL, tỉnh BT.
Bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Tâm vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020, văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2021 nguyên đơn bà Phan Ngọc M trình bày:

Bà M và ông Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 13/8/2011. Sau khi kết hôn, bà M và ông Đ sống hạnh phúc được 02 năm đến tháng 5/2013 thì xảy ra mâu thuẫn do ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Ông Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, có hành vi bạo hành với bà M. Đến nay bà M nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M và

ông Đ đã sống ly thân đến nay đã 02 năm. Bà M nhận thấy đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M và ông Đ có một người con chung là N, sinh ngày 10/5/2013, hiện đang sống cùng bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M trình bày không có.

Ngày 14/4/2021, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn ông Lê Văn Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông Đ.

Về con chung: bà M được trực tiếp nuôi con chung tên N, sinh ngày 10/5/2013, ghi nhận bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà M trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà M và ông Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 13/8/2011. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà M cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bà M xác định đã không còn tình cảm với ông Đ nên xin được ly hôn với ông Đ. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 18/3/2021 của Tòa án. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà M và ông Đ đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không

còn. Đối với ông Đ, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ. Qua đó cũng thể hiện việc ông Đ không mong muốn được hòa giải Đ tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Giữa bà M và ông Đ có 01 người con chung tên là N, sinh ngày 10/5/2013. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Theo lời trình bày của bà M thì ông Đ không chăm lo cho gia đình, việc trông nom, chăm sóc con chủ yếu do bà M thực hiện. Hơn nữa, cháu N sau khi được hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của con về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặc dù tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nhưng do bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc M đối với ông Lê Văn Đ. Bà Phan Ngọc M được ly hôn với ông Lê Văn Đ. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2]. Về con chung: Giữa bà M và ông Đ có 01 người con chung tên là Lê Minh N, sinh ngày 10/5/2013. Giao cháu Lê Minh N cho bà M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu N.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Bà M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004536 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, BT. Bà M đã nộp đủ án phí.

[6]. Bà Phan Ngọc M và ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga